

XU HƯỚNG CÔNG BỐ NGHIÊN CỨU VỀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THƯ VIỆN TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TẠI CÁC NƯỚC MỚI NỔI KHU VỰC CHÂU Á: PHÂN TÍCH THƯ MỤC TỪ CƠ SỞ DỮ LIỆU SCOPUS

Đào Thị Uyên

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội
Email: uyensinhush@gmail.com

Article history

Received: 29/9/2024

Accepted: 07/11/2024

Published: 05/01/2025

Keywords

University library, academic library, efficiency, research, Scopus

ABSTRACT

University libraries are an integral component of higher education institutions, greatly contributing to the success of scientific research, teaching and learning. This study fully demonstrates the publication situation of research on the performance of university libraries in a number of emerging countries in Asia, including Vietnam. Mining the data source from the Scopus database and using VOSviewer bibliographic analysis software for analyzing, evaluating and reviewing the international publication on university library efficiency. The research identifies research trends that focus on personalization for librarians as well as users, the establishment of selective service frameworks to promote the quality of library services. It is noteworthy that international scientific publications in Vietnam are still modest. As a result, the author provides an overview of as well as lessons learnt from countries with many international publications on university libraries. The article not only offers valuable insights but also suggests strategic directions to enhance the role and efficiency of university libraries in emerging countries, particularly Vietnam.

1. Mở đầu

Thư viện và hệ thống học liệu đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học, vì chúng đảm nhiệm chức năng tổ chức, quản lý và cung cấp tài nguyên thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu và phát triển tri thức. Theo quy định tại Luật Thư viện 2019, thư viện đại học có nhiệm vụ tập hợp và chia sẻ tài liệu học thuật, đóng góp vào quá trình xây dựng kiến thức, phát triển kỹ năng và phẩm chất cho người sử dụng (Quốc hội, 2019). Theo Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT, tiêu chuẩn 9 yêu cầu các thư viện đại học phải cung cấp đầy đủ tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài cũng như thư viện điện tử để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu (Bộ GD-ĐT, 2007). Bối cảnh đổi mới giáo dục đòi hỏi các cơ sở giáo dục đại học không chỉ đảm bảo chất lượng đào tạo mà còn phải xác định rõ mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi chương trình. Để hiện thực hóa mục tiêu này, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT đã ban hành các tiêu chuẩn về chuẩn chương trình đào tạo và yêu cầu về nguồn học liệu, cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc tế (Bộ GD-ĐT, 2021).

Thư viện đại học hiện nay không chỉ đơn thuần là kho học liệu mà còn là trung tâm hỗ trợ giảng viên, sinh viên trong hoạt động tự học, nghiên cứu và trao đổi học thuật. Thư viện đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc tổ chức đại học, cung cấp kiến thức và học liệu cần thiết cho các hoạt động giáo dục và nghiên cứu, giúp tạo lập một môi trường học thuật phong phú và chất lượng. Đặc biệt, trong bối cảnh đào tạo từ xa và trực tuyến ngày càng phổ biến, việc phát triển học liệu số đã trở thành một yêu cầu bắt buộc nhằm đáp ứng phương thức đào tạo linh hoạt, hiện đại. Giáo dục đại học ngày nay hướng đến việc đào tạo những cá nhân có khả năng tự định hướng, tự học và xử lý thông tin hiệu quả, tạo điều kiện để họ tự tin tham gia vào thị trường lao động toàn cầu. Thư viện với hệ thống học liệu đa dạng và các dịch vụ học thuật là nơi hỗ trợ đắc lực cho quá trình này, góp phần tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến và nền tảng nghiên cứu chất lượng cao (Lê Quỳnh Chi, 2014).

Trong bối cảnh các trường đại học chuyển dần sang mô hình tự chủ, thư viện càng trở thành nhân tố cốt lõi trong việc thúc đẩy công bố quốc tế và nâng cao chất lượng đào tạo (Nguyễn Thị Thưa và cộng sự, 2024). Bài báo này tổng quan về nghiên cứu hiệu quả hoạt động của thư viện đại học tại một số quốc gia châu Á, nhằm mang đến những kinh nghiệm và giải pháp thiết thực cho các thư viện đại học ở Việt Nam.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp trắc lượng thư mục tìm kiếm tài liệu được công bố trên cơ sở dữ liệu Scopus. Quy trình được thực hiện qua các bước sau: (1) *Xác định đối tượng nghiên cứu*: Các công bố khoa học trên Scopus về hiệu quả hoạt động của thư viện đại học tại các quốc gia đang phát triển ở châu Á, nhằm đánh giá mức độ quan tâm đến chủ đề này và tìm hiểu cách thức vận hành thư viện hiệu quả. Câu hỏi nghiên cứu chính bao gồm: Cách các thư viện đại học tại các quốc gia này vận hành để đạt hiệu quả? Họ có áp dụng những sáng kiến hoặc giải pháp từ các thư viện khác không?; (2) *Thiết kế nghiên cứu*: Nghiên cứu xây dựng kế hoạch chi tiết về các từ khóa, từ đồng nghĩa, phạm vi tìm kiếm và tiêu chí thời gian. Sau khi thu thập dữ liệu, nghiên cứu tiến hành thống kê số lượng tài liệu, tỉ lệ phần trăm, chỉ số trích dẫn và số lượt liên kết qua các bản đồ và biểu đồ; (3) *Thu thập dữ liệu*: Lập bài toán tìm tin qua việc kết hợp các toán tử: với “Cụm từ tìm kiếm” và các kí hiệu *, (). Bài toán được biểu diễn đồng thời hai điều kiện tìm kiếm: (1) thư viện trường đại học; (2) liên quan đến đánh giá hiệu quả, cụ thể như sau: TITLE-ABS-KEY ((“academic librar*” OR “University Librar*” OR “College Librar*”) AND efficiency OR achieve* OR assess* OR benchmark* OR dea OR “Data Envelopment Analysis” OR effective* OR evaluat* OR measure* OR performan*). Việc cân nhắc lựa chọn các từ khóa bằng ngôn ngữ tiếng Anh theo tiêu chí sát nghĩa, hoặc đồng nghĩa, các từ tương đương để việc tìm kiếm được bao quát, không để sót các tài liệu có nội dung mong muốn. Các từ khóa được dịch sang tiếng Việt để đảm bảo tính bao quát và không bỏ sót tài liệu liên quan. Kết quả trả về 9.206 tài liệu. Sau đó, tác giả thu hẹp dữ liệu dựa trên các tiêu chí thời gian, ngôn ngữ và quốc gia nghiên cứu bao gồm Indonesia, Thái Lan, Malaysia, Philippines và Việt Nam - các quốc gia có điều kiện tương đồng. Các dạng tài liệu bao gồm bài báo khoa học và tài liệu hội thảo bằng tiếng Anh, xuất bản chính thức từ các lĩnh vực khoa học xã hội. Kết quả cuối cùng đáp ứng các tiêu chí là 193 tài liệu; (4) *Phân tích dữ liệu*: Sử dụng phần mềm VOSviewer, nghiên cứu tiến hành phân tích trắc lượng thư mục qua các phương pháp phân tích đồng tác giả và đồng xuất hiện từ khóa, qua đó mô hình hóa mạng lưới từ khóa, chủ đề nghiên cứu và quốc gia nghiên cứu. Phân tích này giúp xác định xu hướng nghiên cứu và mối quan tâm về hiệu quả thư viện đại học tại các quốc gia châu Á mới nổi.

2.2. Các thông tin cơ bản thu thập từ Scopus

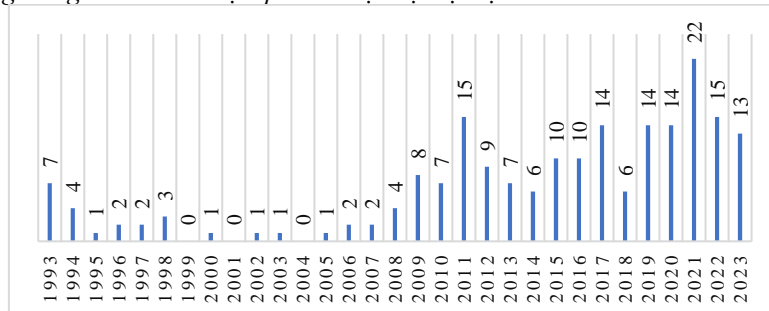
Sau khi thu thập và phân tích, chúng tôi đã trích xuất các thông tin cơ bản về xu hướng nghiên cứu thư viện học thuật và thư viện đại học tại các quốc gia mới nổi ở châu Á trong 30 năm (1993-2023) - giai đoạn quan trọng hướng tới cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Từ dữ liệu Scopus, 193 tài liệu được chọn lọc từ các tạp chí và sách, với mức trích dẫn trung bình 8,01 lần/tài liệu. Tổng số tác giả cho các tài liệu là 384, trung bình gần 2 tác giả trên mỗi bài, trong đó 28 tài liệu (13,71%) được viết bởi một tác giả độc lập.

Bảng 1. Thông tin chính của dữ liệu

Mô tả	Kết quả
Khoảng thời gian	1993-2023
Nguồn (Sources) (Tạp chí, sách,...)	193
Tài liệu (Documents)	193
Trích dẫn trung bình mỗi tài liệu	8.01
References	
Tác giả	384
Tài liệu một tác giả	28
Đồng tác giả (Co-authors) mỗi tài liệu	2
Đồng tác giả quốc tế %	

2.3. Kết quả phân tích cơ sở dữ liệu từ Scopus

2.3.1. Xu hướng công bố nghiên cứu về hiệu quả thư viện đại học tại các nước châu Á theo năm



Biểu đồ 1. Xu hướng công bố nghiên cứu về hiệu quả thư viện đại học tại các nước châu Á theo năm

Sau khi lọc dữ liệu dựa trên các từ khóa và đối tượng nghiên cứu cụ thể, tổng cộng có 193 bài nghiên cứu được xuất bản, trong đó các ấn phẩm chủ yếu thuộc loại tạp chí và sách (không bao gồm tài liệu hội thảo hay chương sách). Qua quá trình phân tích, xu hướng công bố thể hiện rõ sự gia tăng đáng kể về số lượng bài nghiên cứu trong vòng 15 năm trở lại đây, đặc biệt kể từ cột mốc năm 2009. Sự gia tăng mạnh mẽ phản ánh sự quan tâm ngày càng cao của các nhà nghiên cứu và nhà quản lý đối với hiệu quả hoạt động của thư viện đại học trong khu vực. Điều này có thể lý giải bằng những thay đổi trong yêu cầu học thuật và công nghệ, khi mà các thư viện ngày càng đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nghiên cứu, giảng dạy và học tập.

Thực trạng số lượng công bố tăng mạnh trong 5 năm trở lại đây cho thấy có nhiều nỗ lực đang được đầu tư vào việc cải thiện chất lượng dịch vụ, hiệu quả vận hành và năng lực thông tin trong các thư viện đại học. Đây có thể là kết quả của các chính sách cải cách giáo dục, thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và gia tăng nhận thức về vai trò thiết yếu của thư viện đại học trong hệ sinh thái học thuật hiện đại. Số liệu cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của thư viện như một công cụ chiến lược trong hệ thống giáo dục tại các quốc gia châu Á đang phát triển, khi các thư viện không chỉ phục vụ nhu cầu lưu trữ mà còn là trung tâm hỗ trợ học tập, nghiên cứu và trao đổi tri thức. Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện đại học góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng giáo dục, nghiên cứu và đáp ứng nhu cầu phát triển tri thức của cộng đồng học thuật khu vực.

2.3.2. 10 nước có số lượng bài viết cao nhất

Bảng 2. Danh sách 10 nước dẫn đầu về công bố và các chỉ số trích dẫn

STT	Quốc gia	Số bài	Tỉ lệ bài viết (%)	Số trích dẫn	Tỉ lệ trích dẫn (%)
1	Malaysia	130	49	1084	57
2	Indonesia	32	12	132	7
3	Thái Lan	30	11	236	13
4	Philippines	25	9	74	4
5	Nigeria	16	6	92	5
6	Việt Nam	12	4	36	2
7	Pakistan	11	4	125	7
8	Anh	4	1	14	1
9	Australia	4	1	10	1
10	Bangladesh	3	1	84	4

Bảng 2 cho thấy sự khác biệt rõ rệt trong mức độ phát triển và ảnh hưởng của các nghiên cứu về thư viện học thuật giữa các quốc gia mới nổi ở châu Á, với Malaysia là quốc gia dẫn đầu cả về số lượng lẫn chất lượng công bố. Sự thống trị của Malaysia trong lĩnh vực này thể hiện một chiến lược nghiên cứu có hệ thống và đầu tư mạnh mẽ vào các tạp chí khoa học được công nhận quốc tế. Malaysia không chỉ thúc đẩy sản xuất các công trình khoa học mà còn đảm bảo rằng những nghiên cứu này có tác động đáng kể trong cộng đồng quốc tế, thể hiện qua mức độ trích dẫn cao. Điều này có thể phản ánh một hệ sinh thái học thuật năng động, nơi các nhà nghiên cứu có điều kiện thuận lợi để xuất bản và kết nối với mạng lưới khoa học toàn cầu. Ngược lại, các quốc gia như Indonesia và Thái Lan mặc dù có số lượng công bố đáng kể nhưng không đạt được mức độ ảnh hưởng tương tự. Điều này cho thấy rằng số lượng công bố không phải là yếu tố duy nhất quyết định tầm ảnh hưởng của nghiên cứu; chất lượng nội dung và sự liên kết quốc tế đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao uy tín học thuật. Các nghiên cứu từ Thái Lan và Pakistan, dù ít hơn về số lượng, nhưng lại có tỉ lệ trích dẫn cao hơn, gợi ý rằng các quốc gia này đang tập trung vào các nghiên cứu có tính đột phá hoặc những vấn đề mang tính ứng dụng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của cộng đồng học thuật quốc tế.

Sự hiện diện của các quốc gia như Anh và Australia trong bảng này phản ánh sự kết nối xuyên biên giới thông qua hợp tác nghiên cứu. Đây là một yếu tố quan trọng giúp tăng cường mức độ công nhận quốc tế và mở rộng mạng lưới trích dẫn, nhất là trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển cần có thêm sức ảnh hưởng trong lĩnh vực khoa học thông tin và thư viện. Những hợp tác này có thể giúp các nước trong khu vực học hỏi từ những mô hình phát triển thư viện tiên tiến, từ đó nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu trong nước. Bảng dữ liệu cũng cho thấy, trong khi số lượng công bố là cần thiết để gia tăng sự hiện diện học thuật, thì việc đảm bảo chất lượng nghiên cứu và xây dựng mạng lưới liên kết quốc tế là điều kiện tiên quyết để tạo nên ảnh hưởng bền vững. Các quốc gia như Malaysia đã làm rất tốt trong việc này, trở thành hình mẫu để các nước khác trong khu vực học hỏi. Điều này cũng gợi ý rằng các quốc gia khác có thể tăng cường chiến lược của mình bằng cách đầu tư vào các nghiên cứu có chất lượng cao, khuyến khích hợp tác quốc tế và xuất bản trên các tạp chí được công nhận rộng rãi để tăng cường mức độ ảnh hưởng và uy tín khoa học trong lĩnh vực thư viện học thuật.

2.3.3. Mối quan hệ hợp tác xuyên quốc gia

Hình 1 mô tả mạng lưới hợp tác quốc tế giữa các quốc gia, trong đó mỗi nút đại diện cho một quốc gia và kích thước của nút tương ứng với số lượng ấn phẩm khoa học. Độ dày của các đường kết nối giữa các nút thể hiện mức độ hợp tác xuyên quốc gia. Chỉ những quốc gia có ít nhất năm ấn phẩm liên quan đến chủ đề nghiên cứu mới xuất hiện trong mạng lưới này. Tám quốc gia được liệt kê trong bảng 1 đều tham gia vào mạng lưới này với các mối quan hệ hợp tác khác nhau. Malaysia có số lượng ấn phẩm lớn nhất và duy trì hợp tác nổi bật với Nigeria và Pakistan. Trong 5 năm gần đây, các quốc gia như Malaysia, Indonesia và Pakistan có nhiều ấn phẩm mới đáng chú ý. Nhìn chung, mức độ hợp tác giữa các quốc gia vẫn chưa đồng đều và ổn định.



Hình 1. Mạng lưới hợp tác xuyên quốc gia trong nghiên cứu về hiệu quả hoạt động thư viện tại các trường đại học ở các quốc gia mới nổi ở châu Á

2.3.4. Top 10 nguồn có nhiều công bố nhất tại các quốc gia mới nổi châu Á

Bảng 3. 10 nguồn tạp chí có nhiều công bố nhất

STT	Nguồn xuất bản	Loại hình	Nhà xuất bản	Phạm vi	Số lượng tài liệu	Lượt trích dẫn	Liên kết mạnh trong nghiên cứu
1	Malaysian Journal of Library and Information Science	Tạp chí	Faculty of Computer Science and Information Technology	Library and Information Sciences	29	262	181
2	Library Philosophy and Practice	Tạp chí	University of Science and Technology Beijing	Information and Library	24	75	98
3	International Information and Library Review	Tạp chí	Taylor and Francis Ltd	Information and Library	14	144	74
4	Library Management	Tạp chí	Emerald Insight	Information and Library	12	111	133
5	Library Review	Sách	Emerald publishing	Information and Library	6	128	129
6	Journal of Information Science Theory and Practice	Tạp chí	Korea Institute of Science and Technology Information	Computer Science Information Systems Social Sciences Library	5	6	22
7	Electronic Library	Sách	Elsevier Inc.	Library & Information Science	4	70	88
8	Information Development	Tạp chí	SAGE	Library & Information	4	37	79
9	Library Hi Tech News	Tạp chí	Emerald publishing	Library Hi Tech	4	19	14
10	Journal of Academic Librarianship	Tạp chí	Elsevier	Academic Librarianship	3	68	46

Bảng 3 cung cấp cái nhìn sâu sắc về các nguồn tạp chí hàng đầu trong lĩnh vực thư viện và thông tin, đặc biệt cho thấy sự nổi bật của “Malaysian Journal of Library and Information Science” với số lượng công bố và trích dẫn cao nhất. Điều này phản ánh chiến lược phát triển mạnh mẽ của Malaysia trong nghiên cứu thư viện học thuật, kết hợp với hợp tác quốc tế, giúp quốc gia này dẫn đầu trong khu vực châu Á về lĩnh vực này. Sự hiện diện của các tạp chí như “Library Philosophy and Practice” và “International Information and Library Review” cho thấy sự đa dạng trong cách tiếp cận nghiên cứu, từ lý thuyết đến các trường hợp cụ thể, tuy chưa đạt mức ảnh hưởng cao như “Malaysian Journal of Library and Information Science”. Bên cạnh đó, các tạp chí chuyên về công nghệ như “Journal of Information Science Theory and Practice” và “Library Hi Tech News” phản ánh xu hướng tích hợp công nghệ và số hóa vào hoạt động thư viện để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về trải nghiệm người dùng. Các tạp chí như “Library Management” và “Library Review”, dù có ít công bố hơn, lại có số trích dẫn cao, cho thấy tính ứng dụng của các nghiên cứu về quản lý và dịch vụ thư viện. Nhìn chung, bảng 3 cho thấy một “bức tranh đa chiều” về sự phát triển của nghiên cứu thư viện học thuật, khẳng định vị trí của Malaysia trong lĩnh vực này và cung cấp mô hình phát triển mà các quốc gia khác có thể học hỏi nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu và hiệu quả hoạt động thư viện trong hệ thống giáo dục.

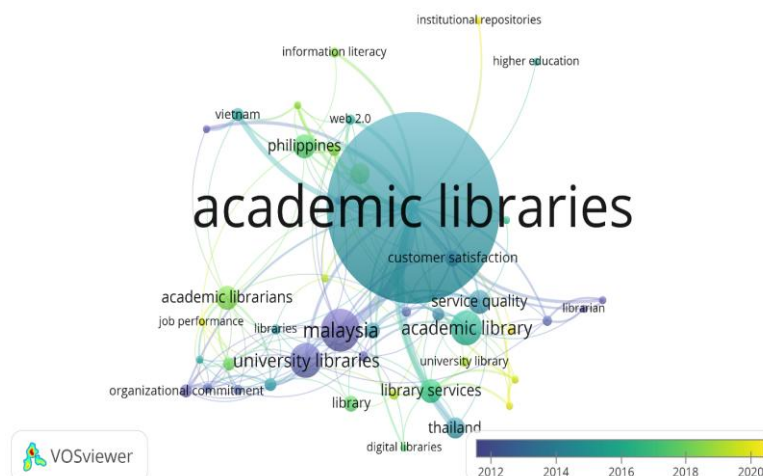
2.3.5. Tác giả có số lượng xuất bản nhiều nhất

Bảng 4. 10 tác giả có số lượng xuất bản nhiều nhất

TT	Tên tác giả	Số bài	Số trích dẫn	Trích dẫn liên kết mạnh
1	Ruamsuk	13	92	1067
2	Masrek	10	118	2274
3	Kassim	8	62	368
4	Abzrah	7	99	914
5	Khan	6	78	1635
6	Bello	6	25	430
7	Mansor	6	25	430
8	Karim	6	99	351
9	Kiran	4	27	515
10	Zainab	4	35	317

Bảng 4 cho thấy, các tác giả hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu thư viện học thuật chủ yếu đến từ các quốc gia châu Á mới nổi, đặc biệt là Malaysia - nơi có sự đầu tư mạnh mẽ vào hệ thống thư viện và nghiên cứu thông tin. Các tác giả như Masrek và Kassim đóng góp đáng kể vào lĩnh vực này với số lượng bài viết và trích dẫn cao, phản ánh ảnh hưởng của Malaysia trong nghiên cứu thư viện học thuật. Chủ đề nghiên cứu của họ tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động thư viện, ứng dụng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo và đánh giá chất lượng dịch vụ thư viện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng. Trích dẫn liên kết mạnh của các tác giả như Masrek và Khan cũng cho thấy mối quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng, cho phép họ chia sẻ kiến thức và phát triển các mô hình thư viện chuẩn quốc tế. Điều này không chỉ giúp nâng cao chất lượng giáo dục đại học tại các quốc gia đang phát triển mà còn thúc đẩy các tiêu chuẩn nghiên cứu toàn cầu trong lĩnh vực thư viện học thuật. Malaysia với vai trò dẫn đầu đã cung cấp một mô hình đáng học hỏi cho các quốc gia khác trong khu vực, thể hiện qua mức độ ảnh hưởng và tầm vóc của các công bố khoa học quốc tế trong lĩnh vực này.

2.3.6. Phân tích đồng xuất hiện từ khóa



Hình 6. Mạng lưới biểu diễn các công bố có đồng xuất hiện từ khóa và mối liên hệ giữa các từ khóa

Để làm sáng tỏ các xu hướng nghiên cứu trong lĩnh vực thư viện học thuật, bài nghiên cứu đã sử dụng phần mềm VOSviewer nhằm trực quan hóa mối quan hệ giữa các từ khóa theo thời gian, thông qua phương pháp phân tích đồng xuất hiện. Chỉ những từ khóa xuất hiện tối thiểu 10 lần mới được đưa vào phân tích. Kết quả cho thấy, chủ đề về “Thư viện học thuật” (Academic Library) có liên kết mật thiết với các lĩnh vực như “Thư viện đại học” (University Library), “Chất lượng dịch vụ” (Service Quality), “Thủ thư” (Librarians) và “Thư viện số” (Digital Library). Đặc biệt, trong 5 năm gần đây, các chủ đề mới nổi như Thư viện số, Hiệu quả công việc (Job Performance), Năng lực thông tin (Information Literacy) và Kho lưu trữ tổ chức (Institutional Repositories) đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu đáng kể. Mạng lưới xu hướng nghiên cứu cho thấy các vấn đề xoay quanh thư viện số, năng lực thông tin, tổ chức và lưu trữ dữ liệu, chất lượng dịch vụ, cùng hiệu quả công việc trong ngành thư viện ngày càng được chú trọng. Những dữ liệu này cung cấp góc nhìn toàn diện về xu hướng nghiên cứu trong các vấn đề liên quan đến hiệu quả hoạt động thư viện, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia đang phát triển tại châu Á.

3. Kết luận

Bài viết đã cung cấp tổng quan về xu hướng công bố quốc tế trong lĩnh vực thư viện đại học, dựa trên dữ liệu Scopus trong 30 năm qua - một giai đoạn đánh dấu cuộc cách mạng thông tin. Các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò cốt lõi của yếu tố con người và công nghệ trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ thư viện, như tư vấn hồ sơ học thuật, xây dựng cơ sở dữ liệu cá nhân hóa và ứng dụng AI trong hỏi đáp và quản lý tài nguyên số (Zainal et al., 2023; Sa'Ari et al., 2023). Đặc biệt, việc xây dựng không gian thư viện hiện đại, có khả năng cung cấp dịch vụ đa dạng, đã tạo nên môi trường học thuật tích cực và thu hút người dùng đến thư viện để học tập và nghiên cứu (Okunlaya et al., 2022). Các nghiên cứu trên Scopus đưa ra những kinh nghiệm quý báu cho thư viện đại học Việt Nam, khuyến khích đầu tư vào nhân sự chất lượng, kết nối người dùng và áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng nhu cầu người dùng. Dù Việt Nam đã có những chính sách phát triển thư viện đại học, việc nghiên cứu sâu rộng hơn và mở rộng đóng góp vào cộng đồng khoa học quốc tế là điều cần thiết. Nghiên cứu này hi vọng cung cấp thông tin hữu ích về các mô hình và phương pháp nâng cao hiệu quả của thư viện đại học, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển của các cơ sở như Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số: CS.2024.13.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 65/2007/QĐ-BGDĐT ngày 01/11/2007 ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học.*
- Bộ GD-ĐT (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.*
- Lê Quỳnh Chi (2014). Thư viện đại học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 6, 29-32.
- Nguyễn Thị Thưa, Lương Đình Hải, Phạm Hùng Hiệp (2024). Phân tích kết quả công bố quốc tế của 23 cơ sở giáo dục đại học tự chủ ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020 trên cơ sở dữ liệu Scopus. *Tạp chí Giáo dục*, 24(10), 1-5.
- Okunlaya, R. O., Syed, A. N., & Alias, R. A. (2022). Artificial intelligence (AI) library services innovative conceptual framework for the digital transformation of university education. *Library Hi Tech*, 40(6), 1869-1892.
- Quốc hội (2019). *Luật Thư viện*. Luật số 46/2019/QH14, ban hành ngày 21/11/2019.
- Sa'Ari, H., Goulding, A., & Sahak, M. D. (2023). Can academic librarians as data scientists revolutionize user-centric e-learning? *Proceedings of the European Conference on e-Learning (ECEL)*, 295-304. <https://doi.org/10.34190/ecel.23.013>
- Zainal, H., Amanullah, S. W., Ibrahim, S., & Abdullah, H. (2023). Cultivating open science: A quantitative exploration of leadership practices in Malaysian academic libraries. *Malaysian Journal of Library & Information Science*, 28(3), 113-128. <https://doi.org/10.22452/mjlis.vol28no3.8>